

# CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI (HDI)

## **THỜI HỘI NHẬP**

CAO VĂN HOẠCH  
 Tổng cục Thống kê

**P**hát triển con người là sự phát triển mang tính nhân văn vì con người, của con người và do con người. Hàng năm Tổ chức báo cáo phát triển con người (HDRO) của UNDP định kỳ công bố báo cáo phát triển con người toàn cầu. Báo cáo này mỗi năm đi sâu vào một chủ đề khác nhau, tuy vậy, tất cả các báo cáo đều phải có một số chỉ tiêu cốt lõi, trong đó quan trọng nhất là chỉ tiêu Chỉ số phát triển con người (Human Development Index - HDI).

Chỉ tiêu HDI được nhà kinh tế người Pakistan là Mahbub ul Haq xây dựng năm 1990, trong đó phản ánh phát triển con người trên góc độ của phát triển kinh tế - xã hội nhấn mạnh vào các cơ hội: được sống lâu và khỏe mạnh; được học hành; có cuộc sống ấm no. Chỉ tiêu này là thước đo tổng quát về sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia và là công cụ so sánh quốc tế về thành tựu phát triển con người và tiến bộ xã hội giữa các quốc gia trên thế giới.

Theo quy định của HDRO, Chỉ số phát triển con người là chỉ số tổng hợp (bình quân giản đơn) của ba chỉ số thành phần: chỉ số Tuổi thọ, chỉ số Giáo dục và chỉ số GDP phản ánh các phương diện sức khỏe, tri thức và mức sống.

Chỉ số Tuổi thọ: Phản ánh độ dài cuộc sống

và sức khỏe, đo bằng tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh.

Chỉ số Giáo dục: Phản ánh về tri thức, được đo bằng tỉ lệ người lớn biết chữ và tỉ lệ nhập học các cấp giáo dục.

Chỉ số GDP: Phản ánh về mức sống, được đo bằng GDP bình quân đầu người tính bằng sức mua tương đương theo Đô la Mỹ (PPP\_USD).

HDI có giá trị nằm trong khoảng từ 0 đến 1. HDI đạt tối đa bằng 1 thể hiện trình độ phát triển con người cao nhất; HDI tối thiểu bằng 0 thể hiện xã hội không có sự phát triển mang tính nhân văn.

Để tính HDI đối với toàn quốc và cấp tỉnh ở Việt Nam theo đúng thông lệ quốc tế và phù hợp với điều kiện dữ liệu thực tế, Tổng cục Thống kê đã nghiên cứu thành công đề tài khoa học “Nghiên cứu hoàn thiện phương pháp tính và xây dựng quy trình tính chỉ số phát triển con người (HDI) ở Việt Nam”. Nhằm triển khai kết quả nghiên cứu này vào thực tiễn, năm 2010 Tổng cục Thống kê đã tiến hành nhiệm vụ khoa học tính HDI năm 2008 của toàn quốc và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Qua thời gian triển khai đề tài đã thu được những kết quả như sau

**1. Về phương pháp tính và nguồn số liệu:**

Công thức tính HDI

$$HDI = \frac{I_{Tuổi\ thọ} + I_{Giáo\ dục} + I_{GDP}}{3}$$

+  $I_{Tuổi\ thọ}$  : Chỉ số tuổi thọ; có giá trị nằm trong khoảng từ 0 đến 1

+  $I_{Giáo\ dục}$  : Chỉ số Giáo dục; có giá trị nằm trong khoảng từ 0 đến 1

+  $I_{GDP}$  : Chỉ số GDP; có giá trị nằm trong khoảng từ 0 đến 1

Chỉ số tuổi thọ được tính từ tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh do Tổng cục Thống kê tính toán cho quốc gia và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, năm 2009 và kết quả điều tra biến động dân số năm 2008.

Chỉ số giáo dục được tính từ tỷ lệ người lớn biết chữ và tỷ lệ nhập học chung các cấp giáo dục (từ cấp 1 đến đại học, kể cả giáo dục không chính quy). Tỷ lệ người lớn biết chữ được tính toán trên cơ sở kết quả điều tra biến động dân số năm 2008 và kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009. Tỷ lệ nhập học chung các cấp giáo dục được tính trên cơ sở số lượng học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp và kết quả điều tra biến động dân số năm 2008. Ở đây số liệu cần xử lý đối với cấp tỉnh là số lượng học sinh, sinh viên đang học trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học. Việc xử lý này được dựa vào tổng số học sinh, sinh viên hiện có của cả nước do Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp và kết quả điều tra biến động dân số năm 2008, tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.

Chỉ số GDP được tính từ GDP bình quân đầu người bằng đô la Mỹ theo sức mua tương đương. Để tính GDP bình quân đầu người theo sức mua tương đương của các tỉnh, thành phố thì trước tiên phải điều chỉnh số liệu GDP của

các tỉnh phù hợp với GDP của quốc gia, tiếp theo cần xác định hệ số để san bằng sức mua của đồng Việt Nam giữa các tỉnh, thành phố. Hệ số này hiện sử dụng là chỉ số giá sinh hoạt theo không gian. Do điều kiện hiện tại nên trong tính toán HDI cho năm 2008 đã sử dụng chỉ số giá sinh hoạt theo không gian của 10 vùng đại diện cho tỉnh. Riêng việc điều chỉnh GDP của các tỉnh, thành phố để phù hợp với GDP quốc gia là khâu phức tạp, quan trọng nhất. Thực hiện việc này, GDP được tách theo ngành kinh tế và xem xét, điều chỉnh theo từng ngành, thậm chí tiểu ngành, đặc biệt với các ngành có tính chất hạch toán toàn ngành như hàng không, đường sắt, viễn thông. Đồng thời phải cân đối với các quan hệ khác như cơ cấu ngành trong GDP, cơ cấu lao động, kim ngạch nhập khẩu, tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ...

Hiện nay, từ báo cáo phát triển con người năm 2010, dữ liệu tính toán của năm 2008, HDRO đã thay đổi phương pháp tính HDI. Phương pháp mới này vẫn phản ánh 3 giác độ là sức khỏe, tiếp cận kiến thức và mức sống, tuy nhiên, cách tính mỗi chỉ số khác với phương pháp cũ. Để áp dụng phương pháp mới này, đặc biệt với cấp tỉnh thì nguồn số liệu thực tế của Việt Nam hiện nay chưa đáp ứng được (ví dụ, chỉ số giáo dục không sử dụng tỷ lệ người lớn biết chữ và tỷ lệ nhập học mà sử dụng số năm đi học bình quân và số năm đi học kỳ vọng để tính). Phương pháp mới, thực tế đến nay cũng chưa có nhiều nước áp dụng được. Do đó, trong thời gian nghiên cứu để áp dụng phương pháp mới thì phương pháp cũ vẫn cần được hoàn thiện và sử dụng.

## 2. Một số kết quả tính toán đối với số liệu năm 2008:

Kết quả tính các chỉ số thành phần và HDI của năm 2008 như biểu dưới đây:

**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI NĂM 2008**  
(Kết quả triển khai Nhiệm vụ khoa học)

Tỉnh	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (năm)	Tỷ lệ người lớn biết chữ (%)	Tỷ lệ đi học chung (%)	GDP bình quân đầu người (PPPUSD)	Chỉ số tuổi thọ trung bình	Chỉ số giáo dục	Chỉ số GDP	HDI
Cả nước	72,66	93,60	61,78	2.840,4	0,79	0,83	0,56	0,728
Hà Nội	74,78	97,13	60,96	4.342,5	0,83	0,85	0,63	0,770
Hải Phòng	74,32	96,66	56,35	3.194,9	0,82	0,83	0,5	0,744
Vĩnh Phúc	73,87	96,40	58,84	3.091,2	0,81	0,84	0,57	0,742
Bắc Ninh	73,73	96,14	65,05	2.964,6	0,81	0,86	0,57	0,745
Hải Dương	73,87	96,39	63,62	1.992,0	0,81	0,85	0,50	0,723
Hưng Yên	73,73	95,84	60,80	1.985,6	0,81	0,84	0,50	0,718
Hà Nam	72,73	95,4	67,23	1.665,9	0,80	0,86	0,47	0,709
Nam Định	73,61	95,75	63,81	1.545,1	0,81	0,85	0,46	0,706
Thái Bình	74,32	96,48	69,70	1.575,8	0,82	0,88	0,46	0,719
Ninh Bình	72,71	96,60	66,23	1.913,6	0,80	0,86	0,49	0,717
Hà Giang	65,99	73,10	57,86	801,0	0,68	0,68	0,35	0,570
Cao Bằng	68,44	83,81	77,11	1.340,7	0,72	0,82	0,43	0,658
Lào Cai	66,47	80,60	60,46	2.006,9	0,69	0,74	0,50	0,644
Bắc Cạn	71,25	91,32	66,56	1.074,6	0,77	0,83	0,40	0,666
Lạng Sơn	71,30	93,00	68,41	1.845,5	0,77	0,85	0,49	0,702
Tuyên Quang	71,25	94,45	60,71	1.461,3	0,77	0,83	0,45	0,684
Yên Bái	68,44	83,44	58,07	1.221,7	0,72	0,75	0,42	0,631
Thái Nguyên	73,14	96,34	57,15	1.896,2	0,80	0,83	0,49	0,709
Phú Thọ	71,63	95,60	59,73	1.440,2	0,78	0,84	0,45	0,686
Bắc Giang	72,18	96,24	61,95	1.295,9	0,79	0,85	0,43	0,687
Quảng Ninh	72,64	95,83	63,74	4.114,1	0,79	0,85	0,62	0,755
Lai Châu	63,38	61,59	58,65	901,7	0,64	0,61	0,37	0,538
Điện Biên	65,44	71,55	66,90	1.278,9	0,67	0,70	0,43	0,600
Sơn La	68,80	81,19	63,24	1.393,0	0,73	0,75	0,44	0,641
Hòa Bình (1)	71,	93,67	62,34	2.124,8	0,77	0,83	0,51	0,704

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Hòa Bình(2)	71,25	93,67	62,34	1.384,1	0,77	0,83	0,44	0,681
Thanh Hóa	72,28	94,78	69,50	1.559,5	0,79	0,86	0,46	0,703
Nghệ An	71,74	94,26	66,50	1.692,2	0,78	0,85	0,47	0,700
Hà Tĩnh	71,83	97,43	79,65	1.524,8	0,78	0,92	0,45	0,717
Quảng Bình	70,91	96,11	67,57	1.703,9	0,77	0,87	0,47	0,701

(1) Bao gồm dầu khí hoặc thủy điện; (2) không bao gồm dầu khí hoặc thủy điện

Do tỷ trọng chiếm quá lớn nếu để vào 1 tỉnh, nên riêng Hòa Bình và Bà Rịa-Vũng Tàu được tính theo 2 phương án để so sánh, phân tích khi được bao gồm cả thủy điện hoặc dầu khí và khi tách ra khỏi GDP của các tỉnh này.

Xếp hạng HDI (Hòa Bình có thủy điện, Vũng Tàu có dầu khí)	
Bà Rịa -Vũng Tàu	1
TP. Hồ Chí Minh	2
Hà Nội	3
Đà Nẵng	4
Quảng Ninh	5
Đồng Nai	6
Hải Phòng	7
Bắc Ninh	8
Vĩnh Phúc	9
Khánh Hòa	10
Bình Thuận	11
Cần Thơ	12
Hải Dương	13
Bình Dương	14
Tây Ninh	15
Vĩnh Long	16
Hà Nam	17
Kiên Giang	18
Long An	19
Ninh Bình	20
Lâm Đồng	21
Bình Phước	22
Cà Mau	23
Hưng Yên	24

Xếp hạng HDI (Hòa Bình không thủy điện, Vũng Tàu không dầu khí)	
Bà Rịa -Vũng Tàu	1
TP. Hồ Chí Minh	2
Hà Nội	3
Đà Nẵng	4
Quảng Ninh	5
Đồng Nai	6
Hải Phòng	7
Bắc Ninh	8
Vĩnh Phúc	9
Khánh Hòa	10
Bình Thuận	11
Cần Thơ	12
Hải Dương	13
Bình Dương	14
Tây Ninh	15
Vĩnh Long	16
Hà Nam	17
Kiên Giang	18
Long An	19
Ninh Bình	20
Lâm Đồng	21
Bình Phước	22
Cà Mau	23
Hưng Yên	24

Quảng Nam	25
Bình Định	26
Thái Bình	27
Tiền Giang	28
Bến Tre	29
Hà Tĩnh	30
Nam Định	31
Bạc Liêu	32
An Giang	33
Thái Nguyên	34
Thừa Thiên Huế	35
Nghệ An	36
Hòa Bình	37
Thanh Hóa	38
Quảng Bình	39
Phú Thọ	40
Quảng Ngãi	41
Đồng Tháp	42
Quảng Trị	43

Quảng Nam	25
Bình Định	26
Thái Bình	27
Tiền Giang	28
Bến Tre	29
Hà Tĩnh	30
Nam Định	31
Bạc Liêu	32
An Giang	33
Thái Nguyên	34
Thừa Thiên Huế	35
Nghệ An	36
Thanh Hóa	37
Quảng Bình	38
Phú Thọ	39
Quảng Ngãi	40
Đồng Tháp	41
Quảng Trị	42
Đắk Lắk	43

**HDI năm 2008 của các tỉnh, thành phố xếp theo nhóm**  
(Theo thứ tự giảm dần)

<b>Cả nước</b>		<b>0,727615</b>
Trên 0,8	Bà Rịa - Vũng Tàu	0,866759
Từ 0,75 đến dưới 0,8	TP. Hồ Chí Minh	0,772498
	Hà Nội	0,769904
	Đà Nẵng	0,761489
	Quảng Ninh	0,755218
	Cần Thơ	0,750913
Từ 0,7 đến dưới 0,75	Bắc Ninh	0,745205
	Hải Phòng	0,744144
	Đồng Nai	0,743913
	Vĩnh Phúc	0,741983
	Khánh Hòa	0,735487
	Long An	0,732164
	Vĩnh Long	0,729852
	Bến Tre	0,727951
	Cà Mau	0,724841

Kiên Giang	0,724379
Bình Dương	0,723681
Lâm Đồng	0,72322
Hải Dương	0,722837
Tiền Giang	0,721361
Tây Ninh	0,720557
Thái Bình	0,719263
Bình Định	0,7 18309
Hưng Yên	0,717517
Ninh Bình	0,717493
Bạc Liêu	0,716764
Hà Tĩnh	0,716749
Bình Thuận	0,713046
Quảng Nam	0,709256
Thái Nguyên	0,708711
Hà Nam	0,708507
An Giang	0,707145
Nam Định	0,706025
Hòa Bình	0,704424
Thanh Hóa	0,70334
Lạng Sơn	0,702119

**Phân bố giá trị HDI của các tỉnh, thành phố**

Theo phân tổ của Liên hợp quốc, những nước có HDI từ 1,0 đến 0,9 là những nước có mức độ phát triển con người cực cao; từ dưới 0,9 đến 0,8 là những nước có mức độ phát triển con người cao; từ dưới 0,8 đến 0,5 là những nước có mức độ phát triển con người trung bình; và dưới 0,5 là những nước có mức độ phát triển con người thấp. Năm 2007, HDI của Việt Nam là 0,725 thuộc nhóm nước trung bình. (Năm 2008 giá trị của chỉ số này nhỏ hơn vì tính theo phương pháp mới)

Theo kết quả tính toán trên đây, HDI của các tỉnh đều trên 0,5, cụ thể: chỉ có 1 tỉnh (Bà Rịa Vũng Tàu) trên 0,8; 5 tỉnh có HDI trong khoảng

từ 0,75 đến dưới 0,8; trên 50% số tỉnh (34 tỉnh) có HDI trong khoảng từ 0,7 đến dưới 0,75; 20 tỉnh có HDI trong khoảng từ 0,6 đến dưới 0,7; và chỉ có 3 tỉnh có HDI nằm trong khoảng từ 0,5 đến dưới 0,6. Như vậy, hầu hết các tỉnh có giá trị của chỉ số này trong khoảng từ 0,6 đến 0,8.

Do một số căn cứ sử dụng để hiệu chỉnh số liệu của các tỉnh, thành phố cho phù hợp với số liệu toàn quốc còn chưa vững chắc, làm cho kết quả tính toán chưa đảm bảo độ tin cậy, do vậy những số liệu đưa ra trên đây chỉ mang tính tham khảo. Để sớm công bố chính thức số liệu HDI của toàn quốc, đặc biệt đối với cấp tỉnh cần tiếp tục hoàn thiện về phương pháp tính và nguồn số liệu của một số chỉ tiêu liên quan.

**C.V.H**